

THÔNG BÁO

**Điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2026 (đợt 1)
vào Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp**

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-ĐHKTCN ngày 09/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc công nhận điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2026 (đợt 1) vào Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thông báo điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2026 (đợt 1) của Trường như sau:

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Điểm trúng tuyển (đã quy đổi)
1	Kỹ thuật cơ khí - Chương trình tiên tiến (Chuyên ngành: Tự động hóa cơ khí)	CTT	21,5
2	Kỹ thuật điện - Chương trình tiên tiến (Chuyên ngành: Hệ thống điều khiển công nghiệp)	DTT	19,5
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	TDH	23,76
4	Kỹ thuật Cơ - điện tử	KCT	23,25
5	Kỹ thuật máy tính	KMT	21,5
6	Kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành: Cơ khí chế tạo máy)	KTC	22,5
7	Kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành: Tự động hóa thiết kế và chế tạo)	KTC1	22
8	Kỹ thuật cơ khí động lực (Chuyên ngành: Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh)	KDO1	20,25
9	Kỹ thuật cơ khí động lực (Chuyên ngành: Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh)	KDO2	17,5
10	Kỹ thuật điện	KTD	22,75
11	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	KVT	21,85
12	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành: Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch)	CBM	24,5
13	Kỹ thuật xây dựng	KXD	19
14	Kỹ thuật vật liệu	KVL	18,9
15	Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành: Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị)	KTM	16,1
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô (Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô)	CTO	21
17	Công nghệ kỹ thuật ô tô (Chuyên ngành: Công nghệ ô tô điện và ô tô lai)	CTO1	20,25
18	Công nghệ chế tạo máy	CTM	20,65
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CDT	22,65
20	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành: Công nghệ sản xuất tự động)	CTC	21,35
21	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành: Công nghệ khuôn mẫu)	CKM	18,25



22	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành: Công nghệ cơ khí số)	CKS	21
23	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CDK	24
24	Kinh tế công nghiệp	KCN	19,5
25	Quản lý công nghiệp	QLC	22,05
26	Quản lý công nghiệp (Chuyên ngành: Logistics)	QLC1	21,75
27	Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành: Tiếng Anh Khoa học và Công nghệ)	NNA	16
28	Kỹ thuật Robot (Chuyên ngành: Robot và trí tuệ nhân tạo)	KRB	20,05
29	Kỹ thuật điện, điện tử	KDT	23

Ghi chú: Điểm trúng tuyển (đã quy đổi tương đương) của các ngành nêu trên được tính theo thang điểm 30, bao gồm cả điểm ưu tiên.

Nơi nhận:

- ĐHTN (đề b/c);
- Các PHT;
- Website;
- Lưu: VT, TTTS&TT (N03b).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Ngô Như Khoa

